

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 05**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn
1	2120120315	BẢO THỊ NGỌC CHÂU	20/09/2000	CCQ2012J						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
2	2120120280	PHẠM THỊ KIM CHI	04/11/2002	CCQ2012I						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
3	2120120316	NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG	27/02/2002	CCQ2012J						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
4	2120120667	NGUYỄN HỒNG DIỆP	07/08/2001	CCQ2012I						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
5	2120120247	HỒ THUY HÀ DU	12/10/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
6	2120120318	HOÀNG THỊ KIM DUNG	11/04/2002	CCQ2012J						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
7	2120110325	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	22/01/2002	CCQ2012I							(V) (0) (1) (2) (3) (4)
8	2120120108	NGUYỄN NGỌC DUY	22/11/2002	CCQ2012D						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
9	2120120282	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	29/07/2001	CCQ2012I						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
10	2120120281	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	25/10/2002	CCQ2012I						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
11	2120120284	NGUYỄN THỊNH ĐẠT	29/08/2002	CCQ2012I						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
12	2120120319	LÊ VĂN HẢI	25/03/2001	CCQ2012J						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
13	2120120074	LÊ THỊ THÚY HẰNG	02/09/2001	CCQ2012C						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
14	2120120321	VÕ THỊ HÂN	19/05/2002	CCQ2012J						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
15	2120120285	NGUYỄN SÔNG HẬU	02/05/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
16	2120120286	BÙI DUY HOÀNG	21/04/2001	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
17	2120120323	HOÀNG THỊ THU HỒNG	27/03/2002	CCQ2012J						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
18	2120120287	LÊ THỊ KIM HỒNG	06/11/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
19	2120120288	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	28/02/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
20	2120120289	GIANG TRUNG KIÊN	29/09/2001	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 05**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho
21	2120120290	NGUYỄN TUẤN KIẾT	02/12/2002	CCQ2012I							(V) 0 1 2 3 4 5
22	2120120291	ĐẶNG THANH LIÊM	20/12/2002	CCQ2012I						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
23	2120120293	TRẦN THỊ MỸ LINH	12/03/2002	CCQ2012I						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
24	2120120327	ĐỖ THỊ KIM LOAN	06/12/2002	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
25	2120120220	PHẠM THỊ ÚT LY	24/08/2002	CCQ2012G						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5
26	2120120295	THẠCH HỒNG MƠ	17/04/2002	CCQ2012I						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5
27	2120120296	LÝ THỊ DIỄM MY	01/08/2002	CCQ2012I						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5
28	2120120082	NGUYỄN NGỌC MY	15/10/2001	CCQ2012C						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
29	2120120671	NGUYỄN THỊ NGHĨA	12/11/2002	CCQ2012J						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5
30	2120120329	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	04/01/2002	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
31	2120120330	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	29/10/2001	CCQ2012J						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5
32	2120120331	TRƯƠNG THỊ NHÀI	13/02/2002	CCQ2012J						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5
33	2120120084	THÁI BÙI HOÀI NHI	31/07/2001	CCQ2012C						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5
34	2120120333	HUỲNH THỊ NHUNG	07/05/2002	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
35	2120120300	TRẦN QUỲNH NHƯ	25/08/2002	CCQ2012I						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
36	2120120334	CAO THỊ KIM OANH	05/11/2002	CCQ2012J						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5
37	2120120672	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	05/11/2002	CCQ2012J						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5
38	2120120335	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/10/2002	CCQ2012J						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5
39	2120120336	LỤC THỊ QUẾ	06/05/2002	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5
40	2120120088	TRẦN BẢO QUỐC	11/04/2001	CCQ2012C						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 05**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
41	2120120337	TRẦN TÚ QUỲN	22/08/2002	CCQ2012J						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	2120120302	BÙI THANH QUYẾT	29/08/2001	CCQ2012I							✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	2120120569	HOÀNG NHƯ QUỲN	23/08/2001	CCQ2012J						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	2120120338	LÊ ĐỖ PHƯƠNG QUỲN	26/07/2002	CCQ2012J						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	2120120339	LÊ ĐỖ XUÂN QUỲN	26/07/2002	CCQ2012J						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
46	2120120340	NGUYỄN PHƯỚC SÁNG	15/10/2000	CCQ2012J						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
47	2120120089	LÊ TUẤN SƠN	19/09/2001	CCQ2012C						9.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
48	2120120669	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	02/01/2002	CCQ2012I							✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
49	2120120342	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	10/08/2002	CCQ2012J						9.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
50	2120120094	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	09/01/2002	CCQ2012C						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
51	2120120303	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	11/03/2002	CCQ2012I						7.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
52	2120120343	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	07/10/2002	CCQ2012J						7.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
53	2120120304	PHAN THỊ NGỌC THẨM	17/06/2002	CCQ2012I						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
54	2120120097	TRẦN NỮ HOÀI THƠM	01/01/2002	CCQ2012C						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
55	2120120345	ĐỖ THỊ MINH THƯ	24/10/2002	CCQ2012J						9.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
56	2120120305	LÊ THÁI ANH THƯ	21/05/2002	CCQ2012I						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
57	2120120100	ĐOÀN THỊ THÙY TRANG	03/09/2002	CCQ2012C						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
58	2120120570	LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	06/12/2002	CCQ2012J						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
59	2120120347	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	22/11/2001	CCQ2012J						8.0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8
60	2120120308	TRẦN VŨ THÙY TRANG	10/09/2001	CCQ2012I						8.5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 05**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn
61	2120120309	BÙI THỊ VĨNH TRINH	10/01/2002	CCQ2012I						8.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
62	2120120673	ĐINH CÔNG TRƯỜNG	21/01/2002	CCQ2012J						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
63	2120100341	TRƯƠNG THỊ CẨM TÚ	29/04/2002	CCQ2012I						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
64	2120120140	NGÔ THỊ THU VÂN	25/03/2002	CCQ2012D						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
65	2120120311	NGUYỄN THỊ KIỀU VÂN	04/08/2001	CCQ2012I						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
66	2120120103	ĐỖ THỊ THÚY VI	10/10/2001	CCQ2012C						8.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
67	2120120312	PHAN THỊ THU THẢO VY	06/09/2002	CCQ2012I						8.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
68	2120120670	TRẦN THÁI THANH XUÂN	13/01/2002	CCQ2012I						9.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
69	2120120313	NGUYỄN PHI YẾN	18/09/2002	CCQ2012I						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4)
70	2120120314	PHẠM THỊ PHI YẾN	21/02/2002	CCQ2012I						7.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4)